

# 10 SỰ KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI NỔI BẬT NĂM 2023

Đào Ngọc Lâm \*

Do ảnh hưởng từ bất ổn kinh tế thế giới, 2023 tiếp tục là năm khó khăn, thách thức đối với kinh tế Việt Nam. Giá nguyên vật liệu đầu vào gia tăng, do đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, tổng cầu trong nước suy giảm,... Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng và Nhà nước, sự điều hành linh hoạt của Chính phủ, sự nỗ lực phấn đấu của người dân và cộng đồng doanh nghiệp, khép lại năm 2023, kinh tế đất nước đạt kết quả đáng khích lệ. Trên cơ sở đó, Tạp chí Kinh doanh và Công nghệ lựa chọn 10 sự kiện nổi bật về tổng quan kinh tế - xã hội như sau:

## 1. Ngoại giao của Việt Nam sôi động, nâng tầm quan hệ quốc tế

Tích cực nhất là nâng vượt cấp quan hệ với Hoa Kỳ từ đối tác toàn diện lên đối tác chiến lược toàn diện, nâng cấp quan hệ với Nhật Bản từ đối tác chiến lược lên đối tác chiến lược toàn diện, nâng số đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam lên 6 nước (Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản). Cùng với kết quả của mở cửa hội nhập trong nhiều năm qua, các cuộc hội đàm cấp cao và nâng cấp quan hệ trong năm nay,... tạo tiền đề để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, đẩy mạnh phát triển du lịch của Việt Nam trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

## 2. GDP đạt mức cao so với khu vực và thế giới

Kết thúc năm 2023, tăng trưởng GDP

đạt trên 5,05%, tuy chưa đạt mục tiêu (6-6,5%), nhưng được coi là cao so với thế giới, Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), về kinh tế, toàn cầu tăng 3%, các nước phát triển tăng 1,5%, các nước đang phát triển tăng 4%, ASEAN 5 tăng 4,2. Năm 2023, tăng trưởng GDP của Việt Nam nằm trong số ít nền kinh tế có tốc độ tăng cao nhất trên thế giới. Xét theo thời gian, tốc độ tăng GDP cao lên qua các quý (quý I tăng 3,41%, quý II tăng 4,25%, quý III tăng 5,47%, quý IV ước tăng 6,42%). Đà tăng liên tục là tín hiệu khả quan để GDP tăng cao hơn và vượt kế hoạch 2024 (6-6,5%). Xét theo nhóm ngành, nông, lâm nghiệp - thủy sản tăng 3,88%, công nghiệp-xây dựng tăng 3,74%, dịch vụ tăng 6,82% cao hơn tốc độ chung. Dưới góc độ sử dụng, tốc độ tăng tiêu dùng cuối cùng đạt 3,52% và tích lũy tài sản đạt 4,09%, đặc biệt xuất siêu đóng góp lớn thứ hai (32,32%) vào tốc độ tăng GDP.

GDP bình quân đầu người tính bằng USD theo tỷ giá trung tâm bình quân cao hơn các năm trước (ước 2023 đạt trên 4.284 USD, 2022 đạt 4.124 USD, 2021 đạt 3.717 USD, 2020 đạt 3.552 USD, 2019 đạt 3.465 USD, 2018 đạt 3.251 US). Thứ bậc trên thế giới của Việt Nam về chỉ tiêu này cao lên, góp phần giảm áp lực “tụt hậu xa hơn” so với các quốc gia trong khu vực và thế giới. Nếu tính bằng USD theo sức mua tương đương thì năm 2023 đạt cao hơn năm trước (khoảng 12.852 USD so với 12.372 USD).

\* Tổng cục Thống kê.

Kết quả tích cực mà nền kinh tế đạt được nhờ nhiều yếu tố. Tổng GDP tính bằng VND cao hơn các năm trước (ước 2023 đạt trên 10,2 triệu tỷ đồng, 2022 đạt trên 9,5 triệu tỷ đồng, 2021 đạt gần 8,5 triệu tỷ đồng, 2020 đạt trên 8,0 triệu tỷ đồng, 2019 đạt trên 7,7 triệu tỷ đồng, 2018 đạt trên 7 triệu tỷ đồng). Dân số quốc gia tăng chậm lại (ước 2023 tăng 0,84%, 2022 tăng 0,97%, 2021 tăng 0,94%, 2020 tăng 1,14%, 2019 tăng 1,15%, 2018 tăng 1,17%). Giá USD tăng thấp (ước 2023 tăng 1,95%, 2022 tăng 0,47%, 2021 giảm 0,17%, 2020 tăng 0,6%, 2019 tăng 2,01%). Kết quả này cũng góp phần làm cho tổng GDP tính bằng USD liên tục tăng qua các năm (ước 2023 đạt 430 tỷ USD, 2022 đạt 408,7 tỷ USD, 2021 đạt 362 tỷ USD, 2020 đạt 346,6 tỷ USD, 2019 đạt 334,3 tỷ USD, 2018 đạt 310,1 tỷ USD). Thứ bậc trên thế giới của Việt Nam về chỉ tiêu quy mô nền kinh tế cũng hướng cao lên, góp phần thu hút đầu tư, tăng xuất nhập khẩu với thị trường thế giới.

### **3. Lao động việc làm được cải thiện, cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực**

Tổng số lao động sau khi giảm trong năm 2020 (-1,92%), giảm sâu trong năm 2021 (-8,47%), năm 2022 đã tăng trở lại (3,12%) và năm 2023 tiếp tục tăng (1,35%). Tuy tốc độ thấp hơn, nhưng cao gấp rưỡi tốc độ tăng của dân số (0,84%). Điều đó chứng tỏ, tỷ lệ lao động thất nghiệp giảm, nhờ số đơn hàng tăng dần vào các quý nửa cuối năm. Tỷ lệ thất nghiệp của khu vực thành thị, nếu tăng liên tục trong đại dịch (năm 2020 là 3,89%, 2021 là 4,33%), thì năm 2022

giảm còn 2,82%; năm 2023 còn 2,73% và thấp hơn mục tiêu (dưới 4%).

Cơ cấu lao động theo nhóm ngành kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng lao động đang làm việc trong nhóm ngành nông, lâm nghiệp - thủy sản năm nay giảm so với các năm trước (2015 còn ở mức 43,6%, 2020 còn 33,1%, 2021 còn 29,1%, 2022 còn 27,5%, ước 2023 còn 26,9%); tỷ trọng lao động làm việc trong 2 nhóm ngành còn lại (công nghiệp - xây dựng và dịch vụ) tăng tương ứng. Sự chuyển dịch cơ cấu này có tác động về nhiều mặt: góp phần làm tăng tỷ lệ dân số thành thị theo phương thức “ly nông, bất ly hương”; tăng mức năng suất lao động chung của toàn bộ nền kinh tế (năng suất lao động trong nhóm ngành nông, lâm nghiệp - thủy sản chỉ bằng 43,1% mức năng suất lao động chung); phù hợp với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cơ cấu lao động đang làm việc theo loại hình kinh tế cũng chuyển dịch theo hướng tỷ trọng lao động khu vực nhà nước giảm (năm 2010 ở mức 10,4%, năm 2015 còn 9%, năm 2021 còn 8,1%, năm 2022 còn 7,9%, năm 2023 còn 7,8%); tỷ trọng lao động khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tương ứng tăng lên. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo loại hình kinh tế là kết quả của công việc đổi mới, mở cửa hội nhập, khai thác và phát huy thế mạnh nguồn lực lao động của các loại hình kinh tế ngoài nhà nước, hình thành thị trường sức lao động, góp phần hoàn thiện kinh tế thị trường.

Tốc độ tăng năng suất lao động 2023 cao hơn năm trước (3,65% so với

3,12%), do nhiều yếu tố (như chuyển dịch cơ cấu lao động theo nhóm ngành, tăng trưởng kinh tế thuộc nhóm cao đem lại lợi thế), nhưng chủ yếu do tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tăng (từ 22,6% năm 2019 lên 23,6% năm 2020, 126,1% năm 2021, 26,3% năm 2022 và ước lên 27% năm 2023).

#### **4. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội là yếu tố vật chất trực tiếp quyết định tốc độ tăng trưởng GDP**

So với năm trước, tốc độ tăng lượng vốn cao lên qua các quý (quý II tăng 5,6%, quý III tăng 7,6%, quý IV ước tăng trên 8%) và tính chung cả năm 2023 ước tăng 6,2%. Lượng vốn từ nguồn ngân sách tăng 21,2% cao gấp 3 lần tốc độ tăng chung và cao nhất trong các nguồn. Nguồn vốn này có vai trò quan trọng trong việc hình thành các công trình trọng điểm quốc gia, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, là nguồn vốn “mồi” để thu hút các nguồn vốn khác đầu tư theo. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài tăng cả về vốn đăng ký, cả về vốn thực hiện. Nguồn vốn ngoài nhà nước tuy tăng thấp, nhưng chiếm 56,1% tổng lượng vốn đầu tư phát triển, lớn hơn tổng 2 nguồn còn lại. Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển toàn xã hội/GDP vẫn đạt gần 33,4% là tỷ lệ cao đứng hàng đầu thế giới, có chăng chỉ thua tỷ lệ hơn 40% của Trung Quốc là nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới.

#### **5. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn ở cả đầu vào và đầu ra, nhưng cộng đồng doanh nghiệp vẫn nỗ lực về đích, đạt kết quả khả quan**

Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới năm 2023 đạt 159,3 nghìn, tăng 7,2%

so với năm trước, tập trung vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, giáo dục - đào tạo, y tế và trợ giúp xã hội. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, thể hiện sự nỗ lực vượt khó của doanh nhân và sự hỗ trợ của Nhà nước, đạt 58,4 nghìn. Mặc dù số doanh nghiệp ra khỏi thị trường (ngừng hoạt động, ngừng kinh doanh, giải thể) vẫn còn nhiều, nhưng số doanh nghiệp vào thị trường vẫn nhiều hơn số doanh nghiệp ra khỏi thị trường, nên số doanh nghiệp đang hoạt động trong năm vẫn tăng thêm 45,1 nghìn, đưa tổng số doanh nghiệp đang hoạt động đến cuối năm 2023 đạt gần 940 nghìn, cao nhất so với cuối các năm từ trước đến nay.

#### **6. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng cao hơn tốc độ tăng GDP**

Tiêu thụ trong nước nếu bị “co” lại nhiều trong những năm đại dịch, nhưng đã có dấu hiệu phục hồi dần từ 2022. Năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tăng 9,6%, nếu loại trừ yếu tố giá, thì tăng 7,1%, cao hơn tốc độ tăng GDP. Điều này chứng tỏ nền kinh tế từng bước phục hồi, sản xuất gia tăng trở lại,... là tín hiệu vui cho năm 2024.

#### **7. Xuất siêu đạt mức cao nhất từ trước đến nay**

Mặc dù sản lượng xuất khẩu hàng hóa giảm, nhưng do vẫn giữ được quy mô lớn hơn và tốc độ giảm ít hơn của nhập khẩu, nên trong quan hệ buôn bán hàng hóa với nước ngoài, Việt Nam ở vị thế xuất siêu. Năm 2023 là năm liên tiếp thứ 8 xuất siêu hàng hóa với mức lớn nhất từ trước đến nay (2023 đạt 28

tỷ USD, 2022 đạt 12,14 tỷ USD, 2021 đạt 3,32 tỷ USD, 2020 đạt 19,94 tỷ USD, 2019 đạt 10,87 tỷ USD, 2018 đạt 8,33 tỷ USD, 2017 đạt 2,11 tỷ USD, 2016 đạt 1,78 tỷ USD).

Do xuất khẩu dịch vụ tăng cao hơn tốc độ tăng của nhập khẩu dịch vụ (44,9% so với 5,9%), đặc biệt là dịch vụ du lịch (tăng 280% so với 17,3%), nên tuy về dịch vụ Việt Nam vẫn còn nhập siêu, nhưng mức nhập siêu năm nay đã giảm mạnh so với năm trước (dưới 9,47 tỷ USD so với 13,92 tỷ USD).

#### **8. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam năm 2023 đông gấp 3,4 lần năm trước**

Tăng trưởng đạt được ở tất cả các châu lục, tất cả các nước và vùng lãnh thổ. Đông nhất, cao nhất là châu Á, tiếp đến là châu Âu, châu Mỹ, châu Úc, châu Phi. Có 11 nước và vùng lãnh thổ đạt trên 200 nghìn lượt người, đông nhất là Hàn Quốc, tiếp đến là Trung Quốc, Đài Loan, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia, Campuchia, Singapore, Australia, Anh. Đạt kết quả trên là do việc phòng chống đại dịch Covid-19 của Việt Nam đạt được kết quả tích cực. Việt Nam đã có những giải pháp cải cách thủ tục hành chính, mở rộng diện miễn thị thực nhập cảnh nhằm thu hút khách quốc tế.

#### **9. Lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu**

CPI bình quân năm nay so với năm trước ước tăng 3,25%, thấp hơn mục tiêu đề ra (4,5%) và là năm thứ 10 liên tiếp lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu (2014 tăng 4,09%, 2015 tăng 0,63%, 2016 tăng 2,66%, 2017 tăng 3,53%, 2018 tăng 3,54%, 2019 tăng 2,79%, 2020

tăng 3,23%, 2021 tăng 1,84%, 2022 tăng 3,15%, ước 2023 tăng 3,25%). Đây là sự kiện nổi bật hàng đầu, vì lạm phát có liên quan đến chủ thể đông nhất trên thị trường là người tiêu dùng, liên quan đến đời sống vật chất và tinh thần của quảng đại quần chúng nhân dân.

Lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu do ảnh hưởng của yếu tố tổng quát là quan hệ cung - cầu, trong đó, do tổng cầu trong nước (tích lũy tài sản và tiêu dùng cuối cùng) tăng thấp hơn tốc độ tăng GDP, xuất siêu hàng hóa, dịch vụ đóng góp lớn vào tốc độ tăng GDP, tức là tổng cầu còn yếu. Yếu tố quan trọng tác động đến chỉ tiêu này là chi phí đẩy, trong khi giá nhập khẩu giảm 4,73%, nên không gây áp lực lạm phát. Yếu tố trực tiếp là tiền tệ, thì tăng trưởng tín dụng quá thấp so với các năm trước và so với định hướng, cũng giảm gánh nặng cho lạm phát.

#### **10. Chính sách tài khóa, tiền tệ được điều hành linh hoạt để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp**

Trong khi nhiều nền kinh tế điều hành thắt chặt chính sách tài khóa, thì Việt Nam sớm thực hiện nới lỏng chính sách tài khóa, với nhiều giải pháp cụ thể, như giảm thuế, giãn thuế, giảm tiền thuê đất. Nhờ đó, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được duy trì, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế các quý và cả năm. Theo đó, trong năm 2023, Chính phủ đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nghị quyết cắt giảm và gia hạn nhiều loại thuế, giảm tiền thuê đất với số tiền 193.000 tỷ đồng. Ngoài ra, trong thăm

quyền của mình, Bộ Tài chính đã rà soát cắt giảm 35 loại phí và lệ phí, với số tiền giảm gần 700 tỷ đồng. Cũng trong năm 2023, tổng thu ngân sách ước đạt 1,69 triệu tỷ đồng, vượt 4,5% dự toán cả năm. Trong khi đó, tổng chi ngân sách nhà nước khoảng 1,73 triệu tỷ đồng, đặc biệt ưu tiên chi cho đầu tư phát triển cao hơn 33% so với năm 2022.

Cùng với giải pháp tài khóa, chính sách tiền tệ bước đầu chuyển từ thắt chặt sang nới lỏng với nhiều giải pháp tích cực. Ngân hàng Nhà nước tiến hành hạ lãi suất điều hành 4 lần trong năm, tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại, góp phần tiết giảm chi phí vốn giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh. Bên cạnh

đó là giải pháp cơ cấu lại nợ, giãn, hoãn nợ vốn vay,... tạo điều kiện cho doanh nghiệp tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán, tốc độ tăng tín dụng còn thấp, tuy có ảnh hưởng đến tăng trưởng, nhưng có một phần quan trọng do nhu cầu và điều kiện tiếp cận vốn của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh còn yếu; đồng thời lại là yếu tố quan trọng góp phần vào kiểm soát lạm phát theo mục tiêu. Tỷ giá VND/USD ổn định trong mấy năm trước, tuy có tăng lên trong một số tháng của năm 2023, nhưng đã sớm ổn định vào cuối năm trước khi Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ dừng tăng lãi suất vay USD, hiện đang neo ở mức 5,25-5,5%./.